

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ, TỈNH THÁI BÌNH
BẢN ÁN 03/2025/HNGĐ-ST NGÀY 22/04/2025 VỀ DÂN SỰ
NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày và có yêu cầu như sau:

Thời điểm 10 năm kể từ ngày lập hợp đồng vợ chồng Phạm Mạnh C1, chị Nguyễn Thị G có vay vợ chồng chị số tiền 20.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng 9999, anh C1, chị G chưa trả nên hai bên thống nhất lập hợp đồng vay vào ngày 30/4/2020 đã chốt lại tổng nợ cũ chưa trả là 20.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng và số tiền vay mới là 210.000.000 đồng, trong hợp đồng có ghi phần điều khoản thời hạn trả nợ cũ là 01 năm phải hoàn trả, nợ mới mỗi tháng trả tối thiểu 5.000.000 đồng và trong vòng 04 năm phải trả đủ gốc; khi vay không tính lãi suất.

Ngoài hợp đồng trên, ngày 20/6/2020 vợ chồng anh C1, chị G có vay của chị số tiền 70.000.000 đồng (có giấy viết tay).

Quá trình vay, vợ chồng chị H, anh C1 đã trả cho vợ chồng chị 07 tháng với tổng số tiền là 49.000.000 đồng trong đó (35.000.000 đồng trả 07 tháng theo hợp đồng vay ngày 30/4/2020; còn 14.000.000 đồng là trả ngoài hợp đồng vay ngày 20/6/2020).

Số tiền 70.000.000 đồng vay trừ đi 14.000.000 đồng đã trả còn 56.000.000 đồng, chị tính lãi năm 01 là 6% bằng 4.200.000 đồng; lãi năm 02 là 6% bằng 3.360.000 đồng; lãi năm 3 là 5,6% bằng 3.130.000 đồng; tổng gốc lãi là 66.690.000 đồng, số tiền chị G chuyển hai lần vào ngày 19/6/2023 là 65.000.000 đồng và ngày 02/12/2023 là 1.690.000 đồng.

Tính đến ngày 02/12/2023, chị H, anh C1 đã thanh toán xong cho vợ chồng chị tiền gốc và lãi của khoản vay 70.000.000 đồng.

Khoản vay theo hợp đồng ngày 30/4/2020, anh C1, chị G mới thanh toán được tiền gốc là 35.000.000 đồng. Sau đó mặc dù vợ chồng chị nhiều lần đòi nhưng vợ chồng chị H, anh C1 không trả. Vì vậy chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc anh C1, chị G phải trả cho chị số tiền 195.000.000 đồng và 10,5 chỉ

vàng 9999 của Mão Thiệt (01 chỉ vàng bằng 8.450.000 đồng), chị không yêu cầu trả lãi. Tại phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và phiên tòa, chị D yêu cầu chị G và anh C1 phải trả theo hợp đồng vay ngày 30/4/2020 số tiền 195.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng 9999, chị không yêu cầu trả lãi. Số vàng chị H, anh C1 vay là vàng Mão Thiệt 9999.

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D cung cấp cho Tòa án:

- Bản chính Hợp đồng vay tiền ngày 30/4/2020 bên cho vay là ông Lê Cao C2 vợ là Nguyễn Thị D; bên vay là ông Phạm Mạnh C1 và vợ là Nguyễn Thị G: Nợ cũ 20.000.000 đồng và 10.5 chỉ vàng 9999; số tiền vay thêm là 210.000.000 đồng. Tổng vay là 230.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng 9999; Thời hạn vay 30/4/2020 đến 30/4/2024; Thời hạn trả tiền: chậm nhất trong vòng 01 năm phải hoàn trả đủ khoản vay cũ là 20.000.000 đồng và 10,5 chỉ. Trong vòng 04 năm kể từ ngày vay phải trả đầy đủ số tiền gốc của khoản vay mới và theo hình thức hàng tháng phải trả tối thiểu là 5.000.000 đồng trong 04 năm để hết số nợ vay mới.

- Giấy viết tay bản chính ngày 26/6/2020, vợ chồng G, C1 vay 70.000.000 đồng;

- Giấy viết tay bản chính vợ chồng dì G trả tiền hàng tháng theo HĐ 2020 (5tr/1 tháng + ngoài hợp đồng: ngày 15/6/2020 G trả 5.000.000 đồng; 15/7/2020 G trả 8.000.000 đồng; 12/8/2020 G trả 7.000.000 đồng; ngày 08/9/2020 Cường trả 8.000.000 đồng; ngày 13/10/2020 G trả 8.000.000 đồng; ngày 08/12/2020 G trả 8.000.000 đồng; ngày 20/7/2021 G trả 5.000.000 đồng. Tổng 49tr-35tr (7 tháng) = 14tr. 14tr chuyển trả ngoài hợp đồng số tiền vay ngày 20/6/2020.

- Sổ phụ ngân hàng nông nghiệp huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình thể hiện: Tên chủ thẻ Nguyễn Thị D số tài khoản: 3402215017417 thể hiện: Ngày 19/6/2023 Nguyễn Thị G chuyển 65.000.000 đồng; ngày 02/12/2023 Nguyễn Thị G chuyển 1.690.000 đồng.

2. *Tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị G và anh Phạm Mạnh C1 trình bày:*

Vợ chồng anh chị có vay của chị D nhiều lần với số vàng 10,5 chỉ 9999 Mảo Thiệt. Quá trình vay vàng giữa vợ chồng chị G và chị D có thỏa thuận bằng miệng sẽ trả dần số vàng trên bằng tiền mỗi lần trả từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Tính đến tháng 7/2021, anh chị đã trả cho chị D tổng 49.000.000 đồng, giá vàng thời điểm tháng 7/2021 là 5.175.000 đồng/01 chỉ nên số tiền đã trả quy ra vàng là 9,5 chỉ, đến nay anh chị còn nợ chị D 01 chỉ, anh chị sẽ trả khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra vợ chồng anh chị có vay của chị D 70.000.000 đồng, anh chị đã trả xong, gồm (chị G chuyển khoản qua tài khoản chị D 65.000.000 đồng vào ngày 19/6/2023 và chị G đưa trực tiếp số tiền mặt là 5.000.000 đồng (không có giấy tờ) cho chị D). Còn số tiền 1.690.000 đồng chị chuyển khoản trả chị D là tiền vay khác không liên quan gì đến khoản vay 70.000.000 đồng.

Anh chị không chấp nhận bản hợp đồng ngày 30/4/2020 mà chị D đã cung cấp. Lý do, thời điểm lập hợp đồng chị D yêu cầu ngoài việc vợ chồng chị ký nhận thì phải có sự chứng kiến của con gái anh chị là Phạm Thị Khánh H thì mới G tiền nhưng vợ chồng chị không đồng ý để cháu H liên quan đến vay nợ nên chị D có nói với vợ chồng chị cứ để hợp đồng lại chị D quản lý, vợ chồng anh chị về bàn bạc thống nhất với cháu H để cháu H làm chứng thì mới đưa số tiền vay trên, vợ chồng anh chị xác định chữ ký trong hợp đồng là chữ ký của anh chị. Do không có chữ ký của cháu H nên vợ chồng anh chị xác định hợp đồng không thực hiện được, vợ chồng chị chưa nhận được số tiền như đã lập trong bản hợp đồng. Nay chị D yêu cầu vợ chồng chị phải trả số tiền và vàng như nội dung yêu cầu khởi kiện, vợ chồng chị không đồng ý và yêu cầu chị D chứng minh đưa ra tài liệu chứng minh số tiền đã đưa cho vợ chồng chị vào thời gian nào.

Anh Phạm Minh C1 và chị Nguyễn Thị G, cung cấp: Bản phô tô viết tay, cụ thể các ngày trả tiền: 15/6/2020 G trả 5.000.000 đồng; 15/7/2020 G trả 8.000.000 đồng; 12/8/2020 G trả 7.000.000 đồng; 08/9/2020 Cường trả 8.000.000 đồng; 13/10/2020 G trả 8.000.000 đồng; 08/12/2020 G trả 8.000.000 đồng; 20/7/2021 G trả 5.000.000 đồng.

2. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lê Cao C2 trình bày:* Anh thống nhất như lời khai của chị D, số tiền 49.000.000 đồng, chị G trả vợ chồng anh không liên quan đến vàng mà là tiền trả hàng tháng theo hợp đồng ngày 30/4/2020 và số tiền 70.000.000 đồng là tiền vay ngoài hợp đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả từ 5.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng. Quan điểm của anh đề nghị vợ chồng G, C1 thanh toán số tiền còn lại là 195.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng Mão Thiệt 9999. Việc chị G cho rằng phải có sự chứng kiến của cháu H con chị G là không đúng, vợ chồng G đã ký vào hợp đồng vay rồi thì không nhất thiết phải có người làm chứng. Anh C2 ủy quyền cho chị D trình bày toàn bộ nội dung liên quan đến vụ án.

3. *Người làm chứng chị Nguyễn Thị N (là chị gái của chị D và chị G), địa chỉ: 28 ngõ 1 Phạm Tuấn Tài, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội có đơn trình bày:*

Vào thời điểm năm 2020 vợ chồng Phạm Mạnh C1 và Nguyễn Thị G có nợ tiền của một số người do làm ăn thua lỗ. Phạm Mạnh C1 và con gái là Phạm Thị Khánh H có điện thoại cho chị (G không điện cho chị được vì chị đã chặn số của G) khóc hỏi vay chị số tiền 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng) để trả nợ, chị trả lời không có. Sau nhiều lần điện thoại khóc bảo chị cứu vợ chồng em và cháu H cũng nói bác cứu bố con cháu rồi sau cháu học xong cháu đi làm sẽ cùng bố mẹ cháu trả bác. Nhưng chị cương quyết không cho vay vì đã vay chị rất nhiều lần nhưng không trả. Sau đó chị cũng nghĩ là tình máu mủ nên chị bảo, sẽ bảo vợ chồng Cường D cho vay nhưng cũng chỉ được tối đa 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) nhưng Cường bảo nếu thế thì em không đủ trả nợ vì vợ chồng em nợ những 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), chị bảo nếu thế thì chịu. Sau đó Cường và cháu H lại điện nói bác giúp bảo nhà bác D cho nhà em vay số tiền 210.000.000 đồng (Hai trăm mười triệu đồng) để trả những chỗ vay lãi cao trước. Chị điện về cho em gái là Nguyễn Thị D và chồng là Lê Cao C2 bảo, thôi vợ chồng dì giúp nó lần này và làm hợp đồng đảng hoàng, bảo ghi luôn cả số vàng và số tiền cho vay trước đẩy vào hợp đồng luôn vì sợ vợ chồng Cường G rất dễ lật lọng ảnh hưởng đến uy tín của chị. Việc G nhận tiền chị

không chứng kiến vì ở xa nhưng chị khẳng định việc vợ chồng Cường G có vay và đã nhận tiền của vợ chồng Cường D theo đúng hợp đồng (Chị có bằng chứng là các tin nhắn của Cường và cháu H về việc có vay số tiền trên). Khi quá hạn được 01 tháng thì D ra nhà Cường G để đòi nhưng vợ chồng Cường G lại xiên xọ bảo số tiền 210.000.000 đồng của chị cho vay thông qua vợ chồng nhà D Cường. Chị khẳng định số tiền đó không phải của chị vì ngay từ đầu chị đã không cho vay mà số tiền vợ chồng Cường G vay là của vợ chồng D Cường. Nay chị biết vợ chồng Cường G không thừa nhận đã vay vàng và tiền của vợ chồng Cường D. Như vậy vợ chồng Cường G đã lợi dụng lòng tốt của chính chị em ruột nhằm chiếm đoạt tài sản, nên chị làm đơn này kính đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư căn cứ vào các tài liệu chứng cứ để giải quyết cho vợ chồng Nguyễn Thị D và Lê Cao C2.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

1. Về tố tụng:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã xác định đúng thẩm quyền và thụ lý vụ án; thực hiện đầy đủ các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng, các thủ tục, trình tự khác đúng theo thủ tục tố tụng dân sự.

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Về thành phần tham gia xét xử và việc tiến hành thủ tục tố tụng tại phiên tòa được thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật.

- Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mình.

2. Về nội dung: Căn cứ Điều 429, Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự; Điều 184; Điều 147, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội đề nghị HĐXX: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D: Buộc chị Nguyễn Thị G và anh Phạm Mạnh C1 phải trả cho chị Nguyễn Thị D và anh Lê Cao C2 số tiền còn lại theo hợp đồng vay

tiền ngày 30/4/2020 là 181.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng 9999 Mão Thiệt. Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết khoản nợ mà bị đơn vay chưa trả theo Hợp đồng vay tiền ngày 30/4/2020 nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về thời hiệu khởi kiện: Tại Hợp đồng vay tiền ngày 30/4/2020 thể hiện thời hạn cho vay đến ngày 30/4/2024, chị D đã nhiều lần yêu cầu chị G và anh C1 trả tiền theo hợp đồng vay tiền nhưng chị H, anh C1 không trả và đến ngày 13/01/2025, chị D đã khởi kiện ra Tòa án yêu cầu chị H, anh C1 phải trả tiền. Theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự, Điều 184 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc tranh chấp vay tài sản còn thời hiệu khởi kiện.

[1.3]. Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp đòi nợ đối với bị đơn có địa chỉ, cư trú tại thôn La Uyên, xã Minh Quang, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại các Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Chị Nguyễn Thị D và chị Nguyễn Thị G là chị em gái trong gia đình. Trước khi lập hợp đồng vay tiền ngày 30/4/2020 thì vợ chồng chị Nguyễn Thị G, anh Phạm Mạnh C1 đã vay của vợ chồng chị Nguyễn Thị D, anh Lê Cao C2 20.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng 9999. Đến ngày 30/4/2020, lập hợp đồng vay tiền đã thể hiện: Nợ cũ 20.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng 9999; số tiền vay thêm là 210.000.000 đồng; tổng vay là 230.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng 9999;

thời hạn vay 30/4/2020 đến 30/4/2024; thời hạn trả tiền: Chậm nhất trong vòng 01 năm phải hoàn trả đủ khoản vay cũ là 20.000.000 đồng và 10,5 chỉ; trong vòng 04 năm kể từ ngày vay phải trả đầy đủ số tiền gốc của khoản vay mới và theo hình thức hàng tháng phải trả tối thiểu là 5.000.000 đồng trong 04 năm để hết số nợ vay mới. Hợp đồng còn thể hiện bên đi vay đã nhận đủ số tiền 230.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng 9999. Bên cho vay ký tên chị Nguyễn Thị D, anh Lê Cao C2; bên vay ký tên Nguyễn Thị G, Phạm Mạnh C1.

Anh C1, chị G chỉ xác định có vay của chị D 10,5 chỉ vàng 9999; anh C1, chị G xác nhận đúng là chữ ký của anh chị trong hợp đồng ngày 30/4/2020 nhưng không thừa nhận nội dung hợp đồng vì cho rằng hợp đồng không thực hiện được do không có chữ ký của người làm chứng.

Tại phiên tòa các đương sự xác nhận số vàng vay là vàng 9999 Mão Thiệt.

- Xét hợp đồng vay tiền ngày 30/4/2020 thấy: Có sửa chữa từ 11 chỉ vàng 9999 thành 10,5 chỉ vàng 9999 nhưng việc sửa chữa này có lợi cho bên vay và bên vay cũng thừa nhận là vay 10,5 chỉ vàng. Tại hợp đồng thể hiện bên đi vay đã nhận đủ số tiền 230.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng; mặt khác thời điểm ký vào hợp đồng anh Cường chị G có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, không bị ai ép buộc gì nên hợp đồng không cần thiết phải có chữ ký người làm chứng. Từ đó Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tiền ngày 30/4/2020 là hợp pháp nên các bên phải có nghĩa vụ thực hiện theo hợp đồng.

- Về việc trả nợ theo hợp đồng: Tại Điều 3 của hợp đồng quy định chậm nhất trong vòng 01 năm phải hoàn trả đầy đủ khoản vay cũ 20.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng; trong vòng 04 năm phải trả đầy đủ gốc mới theo hình thức hàng tháng trả tối thiểu 5.000.000 đồng. Theo các tài liệu đương sự cung cấp thì từ ngày 15/6/2020 đến ngày 26/7/2021, chị G anh Cường đã trả cho chị D tổng số tiền là 49.000.000 đồng.

Quan điểm của chị D, anh Cường cho rằng số tiền 49.000.000 đồng trong đó 35.000.000 đồng tiền trả theo hợp đồng ngày 30/4/2020 còn 14.000.000 đồng là trả ngoài theo giấy vay 70.000.000 đồng ngày 26/6/2020.

chị G và anh C1 có quan điểm anh chị không vay tiền theo hợp đồng 30/4/2020 mà chỉ vay 10,5 chỉ vàng 9999 và anh chị đã trả 49.000.000 đồng là số tiền quy đổi ra thành 9,5 chỉ vàng, nay anh chị chỉ còn nợ 01 chỉ vàng.

Tài liệu các bên đưa ra là tờ giấy viết tay việc trả tiền từ ngày 15/6/2020 đến ngày 26/7/2021, chị G anh Cường đã trả cho chị D tổng số tiền là 49.000.000 đồng: tờ giấy viết tay này chị D G nộp là bản gốc có thể hiện: “*dì G trả tiền hàng tháng theo HĐ 2020 (5tr/1 tháng)+ ngoài hợp đồng và tổng 49tr-35tr (7 tháng) = 14tr. 14tr chuyển trả ngoài hợp đồng số tiền vay ngày 20/6/2020*” còn chị G nộp là tờ phô tô không có 02 dòng viết như trên mà chỉ thể hiện số tiền trả từ ngày 15/6/2020 đến ngày 20/7/2021. 02 dòng chữ “*dì G trả tiền hàng tháng theo HĐ 2020 (5tr/1 tháng)+ ngoài hợp đồng và tổng 49tr-35tr (7 tháng) = 14tr. 14tr chuyển trả ngoài hợp đồng số tiền vay ngày 20/6/2020*”, chị D thừa nhận do chị tự viết vào. Mặt khác tại giấy vay số tiền 70.000.000 đồng ngày 26/6/2020 không thể hiện việc trả tiền gốc và lãi hàng tháng.

Tại hợp đồng vay tiền ngày 30/4/2020 cũng như thỏa thuận của các bên cũng không thể hiện việc quy đổi vàng thành tiền nên việc chị H, anh C1 cho rằng 49.000.000 đồng tiền mặt mà vợ chồng anh, chị đã trả cho chị D quy đổi thành 9,5 chỉ vàng 9999 là không có căn cứ.

Vì vậy có căn cứ xác định số tiền 49.000.000 đồng mà chị H, anh C1 đã trả từ ngày 15/6/2020 đến ngày 20/7/2021 là trả theo hợp đồng vay tiền ngày 30/4/2020. Nên số tiền còn lại chị H, anh C1 còn phải trả cho chị D, anh Cường theo hợp đồng ngày 30/4/2020 là 181.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng 9999.

- Về giấy vay nợ số tiền 70.000.000 đồng ngày 26/6/2020: Các bên đương sự không yêu cầu và xác nhận đã trả hết số tiền trên nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng chị H, anh C1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ là theo quy định tại Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự nên chị D khởi kiện là có căn cứ.

[2.4] Từ những phân tích, nhận định nêu trên, HĐXX, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D. Buộc: Chị Nguyễn Thị G và anh Phạm Mạnh C1 phải trả cho chị Nguyễn Thị D và anh Lê Cao C2 181.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng 9999 Mão Thiệt, chị D, anh Cường không yêu cầu chị H, anh C1 phải trả lãi.

[3] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Bộ luật Dân sự; Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Nguyễn Thị D. Buộc chị Nguyễn Thị G và anh Phạm Mạnh C1 phải trả cho chị Nguyễn Thị D và anh Lê Cao C2 số tiền còn lại theo hợp đồng vay tiền ngày 30/4/2020 là 181.000.000 đồng và 10,5 chỉ vàng 9999 Mão Thiệt, chị Nguyễn Thị G và anh Phạm Mạnh C1 không phải trả lãi.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G và anh Phạm Mạnh C1 phải chịu 15.203.000 đồng (*Mười lăm triệu hai trăm linh ba nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm (giá vàng 9999 Mão Thiệt tại thời điểm xét xử ngày 22/4/2025 trị giá là 11.720.000 đồng/01 chỉ). Trả lại cho chị Nguyễn Thị D số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 7.000.000 (*Bảy triệu đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0001856 ngày 21 tháng 01 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị D, anh Lê Cao C2, chị Nguyễn Thị G, anh Phạm Mạnh C1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 22 tháng 4 năm 2025).